

Cẩm Khê, ngày 18 tháng 06 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các cơ sở kinh doanh hợp pháp trong và ngoài tỉnh.

Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm rèm nhựa phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

- Thông tin đơn vị.
 - Tên đơn vị: Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê
 - Địa chỉ: Số 147, đường Hoa Khê, xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
 - Mã số thuế: 2600527095
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá
 - Ông: Nguyễn Mạnh Tiến - Chức vụ: Nhân viên phòng TCKT.
 - Điện thoại: 0985.131.716.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận qua email: manhtienbvck@gmail.com, đồng thời gửi kèm bản báo giá có dấu đỏ.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 18 tháng 06 năm 2026 đến hết ngày 23 tháng 06 năm 2026.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Diện tích
1	Rèm cuốn nhựa PVC, có khung nhôm treo trường (kích thước chi tiết gửi kèm)	Bộ	2	623.5 m ²
	Cộng: 01 khoản			

Địa điểm cung cấp, lắp đặt hàng hóa tại Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC, HSMS.



GIÁM ĐỐC

Hà Xuân Hoa



Bảng kê chi tiết số lượng rèm nhựa đề nghị báo giá
(Đính kèm thư mời báo giá ngày 18/06/2026)

STT	Địa điểm	Kích thước				Ghi chú
		Chiều rộng	Chiều cao	Số lượng	Diện tích (m2)	
Nhà B (6 tầng)						
1	Tầng 1	1,8	1,8	1	3,26	
2		2,8	1,8	3	15,12	
3		3,4	2,0	1	6,80	
4		1,8	1,8	2	6,30	
5		2,8	1,8	2	9,95	
6		2,5	1,8	1	4,50	
7		2,5	1,3	2	6,48	
8	Tầng 2	2,8	1,8	1	5,02	
9		2,3	2,0	1	4,60	
10		3,1	1,4	1	4,27	
11		2,7	1,8	1	4,88	
12		2,7	1,8	1	4,90	
13		2,7	1,8	1	4,85	
14		3,5	1,4	1	4,94	
15		3,1	1,8	1	5,56	
16		2,4	1,4	1	3,42	
17		2,7	1,7	1	4,52	
18		3,8	1,8	1	6,84	
19		3,5	1,8	1	6,35	
20		1,8	1,8	1	3,24	
21		2,3	1,9	1	4,35	
22		1,8	1,8	1	3,24	
23		3,5	1,8	1	6,30	
24		3,3	1,8	1	5,94	
25		Tầng 2	3,7	1,8	1	6,70
26	Tầng 3	3,2	1,8	1	5,78	
27		1,8	1,8	1	3,20	
28		2,0	2,8	1	5,68	

29		2,7	1,8	1	4,90	
30		2,4	1,9	1	4,54	
31		2,4	2,1	1	5,06	
32		3,2	1,8	2	11,53	
33		3,4	2,8	1	9,48	
34		2,7	1,8	1	4,85	
35		4,0	1,8	1	7,23	
36		3,3	1,8	1	5,96	
37		2,3	1,8	1	4,14	
38		3,7	1,8	1	6,66	
39	Tầng 4	3,9	2,8	1	10,81	
40		4,2	1,8	1	7,55	
41		2,7	1,8	1	4,95	
42		2,7	1,8	1	4,84	
43		3,0	2,8	1	8,43	
44		2,8	2,9	1	7,89	
45		4,2	1,8	1	7,54	
46		3,3	1,8	1	5,99	
47		3,6	1,8	1	6,39	
48		2,0	2,9	1	5,70	
49		1,8	1,8	1	3,19	
50		3,8	1,8	1	6,66	
51		3,3	1,8	1	5,96	
52		3,5	1,8	1	6,32	
53		4,3	1,8	1	7,68	
54		2,0	2,8	1	5,65	
55		2,7	1,8	1	4,88	
56		2,5	2,8	1	7,10	
57		1,8	1,8	1	3,24	
58		3,3	1,8	1	5,96	
60	Tầng 5	2,7	1,8	1	4,87	
61		2,7	1,8	1	4,85	
62		2,7	1,8	1	4,92	
63		3,0	2,8	1	8,37	
64		2,8	2,8	1	7,76	
65		2,7	1,8	1	4,90	
66		3,3	1,8	1	5,99	

67		3,8	1,8	1	6,84	
68		3,5	1,8	1	6,37	
69		2,0	2,8	1	5,58	
70		3,8	1,8	1	6,84	
71		3,3	1,8	1	6,01	
72		3,5	1,8	1	6,37	
73		2,7	1,8	1	4,90	
Nhà I (Khoa cấp cứu)						
74	Khoa HSCC	3,4	1,9	1	6,46	
75		3,5	1,9	1	6,61	
79		4,0	1,9	1	7,60	
77		2,3	2,5	1	5,70	
Nhà G (7 tầng)						
78	Tầng 1	1,8	1,9	1	3,40	
79		1,8	1,8	1	3,13	
80		1,8	1,9	1	3,42	
81		1,8	1,9	1	3,38	
82		1,8	1,8	1	3,29	
83		1,8	1,9	1	3,40	
84		1,8	1,9	1	3,31	
85		1,8	1,9	1	3,42	
86		3,3	1,9	2	12,37	
87		1,8	1,9	1	3,42	
88	Tầng 2	1,8	1,5	1	2,72	
89		1,8	1,5	1	2,74	
90	Tầng 3	6,0	1,5	1	9,22	
91	Tầng 4	6,0	2,4	1	14,32	
92		2,8	1,6	1	4,48	
93		2,8	1,6	1	4,48	
94		1,8	1,6	1	2,86	
95	Tầng 5	1,8	1,6	1	2,88	
96		1,8	1,6	1	2,88	
97		6,0	2,4	1	14,17	
98	Tầng 6	1,8	1,6	3	8,64	
99		6,0	2,4	1	14,23	
100	Tầng 7	6,0	2,4	1	14,17	

101		3,8	1,6	2	12,16	
Nhà I						
102	Khoa Nội	3,8	1,9	1	7,16	
103		1,3	1,9	1	2,43	
104	Khoa Ngoại	1,3	1,9	1	2,41	
Tổng cộng				113,00	623,51	